|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  -----🙠🙢----- |

*Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2016.*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2015**

**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2016.**

**PHẦN I**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX - KD NĂM 2015**

1. **ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới và trong nước đã được phục hồi, nhưng mức độ còn chậm và còn nhiều khó khăn, hoạt động SXKD của doanh nghiệp còn nhiều thách thức nhất là tình hình cạnh tranh diễn ra khốc liệt giữa các đối thủ trong nước, đặc biệt là cạnh tranh về giá bán với hàng hóa nhập khẩu từ các nước, như: Trung Quốc, Malaixia…Đồng thời, việc phá giá đồng nhân dân tệ để hỗ trợ xuất khẩu của Trung Quốc, tác động đến Ngân hàng nhà nước Việt Nam điều chỉnh tỉ giá hối đoái làm tăng chi phí đầu vào, tình hình đấu thầu tập trung cung cấp sản phẩm, hàng hóa có tổng giá trị rất lớn cho 10 bệnh viện đa khoa, 22 bệnh viện chuyên khoa, 24 bệnh viện quận, huyện trên địa bàn Tp HCM nộp hồ sơ chào thầu từ ngày 02/12/2014 đến nay 15 tháng vẫn chưa chấm thầu xong để lựa chọn nhà thầu cung ứng đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức cạnh tranh, đến kết quả hoạt động SXKD năm 2015 của doanh nghiệp chưa cao.

Trước tình hình trên, Tổng công ty cổ phần y tế Danameco đã chỉ đạo các giải pháp tháo gỡ khó khăn, khai thác tốt mọi khả năng và nguồn lực nhằm thực hiện tốt kế hoạch SXKD do HĐQT giao. Qua đó, lãnh đạo đạt được những kết quả, sau đây:

1. **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**

Báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng Công ty cổ phần Y tế Danameco ***(số liệu đã kiểm toán)*** như sau :

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đvt: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Số đầu năm**  **2015** | **Số cuối năm**  **2015** |
| **TÀI SẢN** |  |  |
| **A. Tài sản lưu động và Đtư ngắn hạn** | **109.378.409.482** | **99.424.717.161** |
| ***I. Tiền và các khoản tương đương tiền*** | ***30.896.674.837*** | ***30.228.628.243*** |
| 1. Tiền | 2.896.674.837 | 13.728.628.243 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 28.000.000.000 | 16.500.000.000 |
| ***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*** | ***-*** | ***-*** |
| ***III. Các khoản phải thu ngắn hạn*** | ***54.943.710.318*** | ***49.462.674.987*** |
| 1. Phải thu của khách hàng | 53.089.392.654 | 46.782.088.226 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.234.823.792 | 1.711.008.347 |
| 6. Các khoản phải thu khác | 618.549.618 | 990.714.160 |
| 7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (\*) | (21.135.746) | (21.135.746) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 22.080.000 |  |
| ***IV. Hàng tồn kho*** | ***21.227.284.293*** | ***17.602.199.837*** |
| 1. Hàng tồn kho | 21.410.753.959 | 17.688.917.972 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(\*) | (183.469.666) | (86.718.135) |
| ***V. Tài sản ngắn hạn khác*** | ***2.310.740.034*** | ***2.131.214.094*** |
| 1. Chi phi trả trước ngắn hạn | 204.066.542 | 555.545.792 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 2.103.843.875 | 1.575.668.302 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước | 2.829.617 | - |
| **B. Tài sản dài hạn** | **37.560.727.924** | **36.343.922.789** |
| ***I. Các khoản phải thu dài hạn*** | ***-*** | ***-*** |
| ***II. Tài sản cố định*** | ***36.542.537.964*** | ***35.988.066.094*** |
| 1. TSCĐ hữu hình | 19.464.874.143 | 18.775.222.271 |
| *- Nguyên giá* | *45.240.837.934* | *47.721.744.054* |
| *- Giá trị hao mòn lũy kế(\*)* | *(25.775.963.791)* | *(28.946.521.783)* |
| 2. TSCĐ vô hình | 17.077.663.821 | 17.212.843.823 |
| *- Nguyên giá* | *17.159.663.821* | *17.309.863.821* |
| *- Giá trị hao mòn lũy kế(\*)* | *(82.000.000)* | *(97.019.998)* |
| ***III. Tài sản dài hạn khác*** | ***1.018.189.960*** | ***355.856.695*** |
| 1.Chi phí trả trước dài hạn | 1.018.189.960 | 355.856.695 |
| **Tổng cộng tài sản** | **146.939.137.406** | **135.768.639.950** |
| **NGUỒN VỐN** |  |  |
| **C. Nợ phải trả 300=310+330** | **70.091.949.240** | **60.691.786.186** |
| ***I. Nợ ngắn hạn*** | ***69.969.449.240*** | ***60.227.837.852*** |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 12.355.878.829 | 12.870.568.657 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 2.602.260.113 | 3.044.674.238 |
| 3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước | 6.288.228.481 | 5.382.092.874 |
| 4. Phải trả nguời lao động | 3.548.705.361 | 1.260.037.355 |
| 5. Chi phí phải trả | 285.055.910 | 168.307.101 |
| 6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.781.243.440 | 2.507.774.934 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 41.893.770.604 | 33.492.715.504 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.214.306.502 | 1.501.667.189 |
| ***II. Nợ dài hạn*** | ***122.500.000*** | ***463.948.334*** |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 122.500.000 | 463.948.334 |
| **D. Vốn chủ sở hữu 400=410+430** | **76.847.188.166** | **75.076.853.764** |
| ***I. Vốn chủ sở hữu*** | ***75.056.555.498*** | ***73.286.221.096*** |
| 1. Vốn đầu tư chủ sở hữu | 41.691.480.000 | 43.776.050.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 4.946.628.370 | 4.946.628.370 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 14.383.498.199 | 16.329.984.598 |
| 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 14.034.948.929 | 8.233.558.128 |
| ***II. Nguồn kinh phí, quỹ khác*** | ***1.790.632.668*** | ***1.790.632.668*** |
| 1. Nguồn kinh phí | 1.790.632.668 | 1.790.632.668 |
| **Tổng cộng nguồn vốn** | **146.939.137.406** | **135.768.639.950** |

**2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

*Đvt: Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm trước 2014** | **Năm nay 2015** | **2015/2014** |
| **1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ** | **220.497.897.604** | **183.673.083.938** | **83%** |
| **2. Các khoản giảm trừ** | **766.016.998** | **556.682.361** | **73%** |
| **3. Doanh thu thuần** | **219.731.880.606** | **183.116.401.577** | **83%** |
| **4. Giá vốn hàng bán** | **156.099.328.646** | **135.610.745.229** | **87%** |
| **5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV** | **63.632.551.960** | **47.505.656.348** | **75%** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 901.520.520 | 285.514.205 | 32% |
| 7. Chi phí tài chính | 3.819.406.615 | 1.525.019.603 | 40% |
| *- Trong đó: lãi vay phải trả* | *3.565.044.360* | *1.495.601.636* | *42%* |
| 8. Chi phí bán hàng | 14.525.834.664 | 12.724.299.099 | 88% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20.638.217.554 | 15.004.440.284 | 73% |
| **10.Lợi nhuận thuần từ HÐKD** | **25.550.613.647** | **18.537.411.567** | **73%** |
| 11. Thu nhập khác | 393.382.553 | 471.482.513 | 63% |
| 12. Chi phí khác | 167.727.970 | 27.443.197 | 5% |
| **13. Lợi nhuận khác** | **225.654.583** | **444.039.316** | **197%** |
| **14. Tổng lợi nhuận trước thuế** | **25.776.268.230** | **18.981.450.883** | **74%** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 5.681.968.270 | 4.181.522.430 | 74% |
| **16. Lợi nhuận sau thuế TNDN** | **20.094.299.960** | **14.799.928.453** | **74%** |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.447 | 3.336 | 75% |

* **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2014** | **Năm 2015** |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán |  |  |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 1,56 | 1,65 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 1,26 | 1,36 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn |  |  |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản | 47,70% | 44,70% |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 91,21% | 80,84% |
| 3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời |  |  |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 9,14% | 8,08% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 26,15% | 19,71% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 13,68% | 10,90% |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần | 11,63% | 10,12% |

1. **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015**

Thực hiện theo Nghị quyết số: ***325/NQ-ĐHĐCĐ/DNM ngày 24/04/2015*** của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận năm 2015, cụ thể như sau:

* Chi trả cổ tức năm 2015 là **30%/cổ phần.**

*Trong đó:*

* Đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 *(tháng 11/2015)* bằng tiền mặt : 15%/cổ phần
* Chuẩn bị chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015 (tháng 4/2016) bằng tiền mặt : 15%/cổ phần

*Đvt: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lợi nhuận phân phối năm nay :** | **14.799.965.628** |  |
| - Trích lợi nhuận chia cổ tức (30%) bằng tiền mặt: | 13.132.815.000 | 3.000đ/cp |
| **Số tiền còn lại trích lập các quỹ như sau :** | **1.667.150.628** | **100%** |
| - Quỹ Phát triển sản xuất | 833.575.314 | 50% |
| - Quỹ Ban điều hành Công ty | 333.430.126 | 20% |
| - Quỹ Khen thưởng và phúc lợi | 500.145.188 | 30% |

1. **TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2015:**

*Đvt: Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài sản** | **Kế hoạch** | **Thực hiện** |
| ***1*** | ***Xí nghiệp SX BBG VTYT Hòa Cường*** | ***3.180.000.000*** | ***2.765.058.902*** |
| ***Trong đó*** : | *Hệ thống gấp gạc phẫu thuật ổ bụng (gồm 2 máy : gấp gạc ổ bụng 30x40cmx6/8 lớp ZD03-45 và gấp trước máy gấp gạc ổ bụng 3x4 lớp ZD06-1200)* | *900.000.000* | *785.261.075* |
|  | *Máy gấp gạc 10 x 10cm x 8/12/16 lớp, 1 làn, có biên, model: LXZ - 100* | *685.000.000* | *649.398.914* |
|  | *Máy gấp gạc 10 x 10cm x 8/12/16 lớp, 2 làn, không có biên, model: LXZ - 100* | *685.000.000* | *649.398.913* |
|  | *Máy in phun điện tử không màu Bestcode model 88 MEK-EU(150428009)(Kết nối máy vi tính)(Mỹ) - 3 máy* | *375.000.000* | *366.000.000* |
|  | *Máy sản xuất mũ con sâu model: 315 - 2000* | *165.000.000* | *165.000.000* |
|  | *Máy quay băng cuộn model : 312 - 1320* | *150.000.000* | *150.000.000* |
|  | *Máy dệt băng cuộn lưới* | *110.000.000* | *0* |
|  | *Cải tạo máy gấp gạc 10x10 và 7,5x7,5* | *60.000.000* | *0* |
|  | *Máy làm túi camera vòng nhựa* | *50.000.000* | *0* |
| ***2*** | ***Xí nghiệp sản xuất VTYT Quảng Nam*** | ***840.996.000*** | ***0*** |
| ***3*** | ***Trung tâm dịch vụ y tế tổng hợp*** | ***375.700.000*** | ***0*** |
|  | **Tổng cộng :** | **4.396.696.000** | **2.765.058.902** |

**PHẦN II**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT-KINH DOANH NĂM 2016**

**VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

1. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2016**

Năm 2016, Việt Nam hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới, như: Cộng đồng ASEAN (AEC); Hiệp định thương mại tự do Châu Á - Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU và một số hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nước khác, như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ v.v… chắc chắn sẽ có nhiều cơ hội và thách thức mới. Trước tình hình đó, Ban điều hành kêu gọi toàn thể CBNV, người lao động trong Tổng công ty cổ phần y tế Danameco đoàn kết, nỗ lực không ngừng với quyết tâm mãnh liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với những cách làm sáng tạo và hiệu quả để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016, do HĐQT giao, như sau:

*Đvt : Đồng*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2016** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Doanh thu hoạt động SXKD** | **220.000.000.000** |  |
| **II** | **Giá vốn hàng bán ra** | **163.500.000.000** |  |
| **III** | **Lãi gộp từ SXKD** | **56.500.000.000** |  |
| **IV** | **Tổng chi phí hoạt động** | **36.000.000.000** |  |
| *1* | *Chi phí bán hàng* | *15.000.000.000* |  |
| *2* | *Chi phí quản lý* | *16.000.000.000* |  |
| *3* | *Chi phí tài chính* | *3.000.000.000* |  |
| **V** | **Tổng lợi nhuận trước thuế** | **22.500.000.000** |  |
| **VI** | **Thuế TNDN 20%** | **4.500.000.000** |  |
| **VII** | **Lợi nhuận sau thuế** | **18.000.000.000** |  |

* **Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2016:**

Để hoàn thành kế hoạch năm 2016 theo chủ trương của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty cần tổ chức thực hiện các vấn đề chủ yếu, sau đây:

* Nâng cao năng suất lao động, ứng dụng khoa học- công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
* Nâng cao năng lực quản trị và hoạch định chính sách, chiến lược phát triển phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.
* Nâng cao năng lực, hiệu quả SXKD trên cơ sở khai thác các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế sẵn có của Danameco
* Nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập với nền kinh tế thế giới.

**II- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2016:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài sản** | **Giá trị** |
| 1 | Máy đọc chỉ thị sinh học dùng trong Tiệt trùng E.O gas | 90.000.000 |
| 2 | Cải tạo nhà xưởng tại XN Quảng Nam để phục vụ sản xuất | 263.900.000 |
| 3 | Xe ô tô tải 1,4 tấn để phục vụ kịp thời cho 54 cơ sở y tế công lập trên địa bàn Tp.HCM | 360.000.000 |
| 4 | Xe ô tô 4 chỗ ( Xe Altis hiện đang sử dụng đã 11 năm không đảm bảo an toàn đi công tác các tỉnh ở xa, xin mua xe Altis đời 2016 để đảm bảo an toàn), đồng thời bán thanh lý xe cũ. | 877.837.000 |
| 5 | Xe tải 0,95 tấn để phục vụ cho việc cung cấp hàng hóa kịp thời cho các bệnh viện tại Hà Nội | 215.000.000 |
|  | **Tổng cộng :** | **1.806.737.000** |

**III- KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016:**

Căn cứ vào kế hoạch SX-KD năm 2016 và tình hình thực tế qua các năm gần đây, xin trình với ĐHĐCĐ là giao cho HĐQT quyết định trong kỳ họp cuối năm 2016, về phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN. Dự kiến như sau :

\* **Chi trả cổ tức:**

- Mức chi trả cổ tức **30%/ cổ phần**

- Hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu

\* **Số tiền còn lại phân phối:**

- Trích lập quỹ phát triển sản xuất: 50%

- Trích lập quỹ khen thưởng - phúc lợi: 30%

- Trích lập quỹ Ban điều hành công ty: 20%

*Kính thưa Đại hội!*

*Trên đây là toàn văn tình hình hoạt động SXKD năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016, chúng tôi xin báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.*

*Cuối cùng, tôi xin cảm ơn Đại hội đã lắng nghe và kính chúc Quí vị đại biểu, Quí vị khách quý và toàn thể cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.*

*Xin trân trọng kính chào!*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN TẤN TIÊN**

